

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 67/2018/DS-ST.

Ngày: 20/9/2018.

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản và nợ hụi”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Võ Thanh Bình**
2. Bà **Phạm Hồng Gái**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Lương Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công KH vụ án dân sự thụ lý số: 283/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi (hộ)*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Kim L**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Số Bốn, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Bị đơn: Chị **Tạ Kim N**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Huỳnh Sơn, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Thuận, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Người làm chứng: Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1950 (có đơn xin xét xử vắng

mặt).

Địa chỉ: ấp Số Bốn, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Kim L trình bày như sau:

Trước đây vào năm 2016 do chỗ bà con dòng họ quen biết với nhau nên chị Phan Kim L có hỏi vay dùm cho chị Tạ Kim N số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 8.000.000 đồng/tháng. Số tiền này chị L đã giao cho chị N làm H lần, mỗi lần là 50.000.000 đồng. Việc giao tiền chị L và chị N không có làm biên nhận với nhau nhưng H lần đưa tiền trên một lần chị L giao cho chị N, lần còn lại thì chị L giao cho chị Bé H là người làm của chị N.

Ngoài ra vào năm 2015 chị L có nhờ chị N chơi dùm một chân hội 5.000.000 đồng/ chân, đây hội có 40 người tham gia. Ngày mở hội là ngày 20/11/2015 (âm lịch), ngày mãn hội là ngày 05/6/2017 (AL). Khi tham gia chơi hội chị L gửi tiền cho chị N đóng dùm, chân hội của chị N hốt chót được số tiền là 192.500.000 sau khi đã trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, số tiền hội này chị N là người hốt dùm chị L. Tuy nhiên sau khi hốt hội xong thì chị N tự ý trừ đi tiền mua dầu và các số nợ khác mà trước đó chị L còn thiếu, sau khi trừ xong thì số tiền hội của chị L còn lại là 120.000.000 đồng nhưng chị N không chịu trả cho chị L số tiền này mặc dù nhiều lần chị L đã yêu cầu chị N trả. Vậy tổng cộng số tiền vay và số tiền hội mà chị N còn nợ chị L là 220.000.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Phan Kim L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể chị Phan Kim L chỉ yêu cầu chị Tạ Kim N phải trả cho chị số tiền hội chưa giao là 120.000.000 đồng, đối với số tiền vay 100.000.000 đồng chị không yêu cầu chị N phải thanh toán cho chị nữa. Ngoài ra chị L không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự KH, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Tạ Kim N trình bày như sau:

Chị Tạ Kim N thừa nhận trước đây vào năm 2016 chị có chơi hội dùm cho chị L, chủ hội tên là Phú, hội 5.000.000 đồng/ chân, hội có 40 người tham gia, đây hội hiện đã mãn, chị L đã hốt chót với số tiền là 195.000.000 đồng, số tiền hội này chị N

là người trực tiếp hốt thay cho chị L. Sau khi nhận số tiền trên thì trừ tiền còn hết 2.500.000 đồng, còn lại 192.500.000 đồng. Sau đó chị N trừ tiền đầu mà chị L nợ trước đó là 56.000.000 đồng, trừ tiền cào chị L nợ là 65.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng và trừ tiền mẹ chồng của chị L (bà Huỳnh Thị B) nợ là 29.800.000 đồng nữa. Tổng số tiền chị L nợ chị N là 170.800.000 đồng, chị N đã tự cân trừ qua số tiền hụi mà chị hốt thay cho chị L, vậy sau khi trừ đi các số nợ thì tiền hụi của chị L còn lại là 20.640.000 đồng. Toàn bộ số tiền hụi còn lại chị N đã giao đủ cho chị L. Việc cân trừ số tiền nêu trên không có làm biên nhận và sổ sách gì cả do là chỗ bà con họ hàng với nhau.

Còn riêng về số tiền 100.000.000 đồng mà chị L cho rằng chị L cho chị N vay là không đúng, chị N không thừa nhận việc này.

Nay chị Phan Kim L yêu cầu chị Tạ Kim N phải trả cho chị L số tiền hụi chưa giao là 120.000.000 đồng thì chị N không đồng ý, vì chị N đã cân trừ số nợ mà chị L vay trước đó, số còn lại thì chị N đã giao đủ cho chị L. Ngoài ra chị N không trình bày gì thêm.

Tại bản tự KH và quá trình làm việc tại Tòa án chị Nguyễn Thị Bé H trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Bé H không đồng ý với lời trình bày của chị L. Chị Bé H trình bày chị không biết gì về việc vay tiền giữa chị L và chị N. Chị Bé H cho biết có một lần chị N kêu chị Bé H đi lấy tiền cào của chị L, thì chị Bé H đến nhà chị L lấy, chị L đưa cho chị Bé H tiền thì chị mang về cho chị N, chứ chị không biết tiền đó là tiền gì. Đồng thời chị Bé H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời KH và quá trình làm việc tại Tòa án bà Huỳnh Thị B trình bày như sau:

Bà Huỳnh Thị B trình bày bà và chị Tạ Kim N là chỗ họ hàng với nhau, việc chị Tạ Kim N cho rằng bà còn nợ chị N số tiền là 29.800.000 đồng là không đúng sự thật, do đó việc chị N tự ý cân trừ số tiền nợ của bà vào số tiền hụi của chị L thì bà không đồng ý vì bà không có nợ gì chị N. Đồng thời bà B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn để vụ án kéo dài là vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui còn nợ là 120.000.000 đồng. Còn đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ vay thì đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ hui giữa chị Phan Kim L và chị Tạ Kim N. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay chị Phan Kim L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc chị Tạ Kim N phải trả cho chị số tiền vay là 100.000.000 đồng. Nên HĐXX ghi nhận việc này, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần nợ vay 100.000.000 đồng.

Đối với số tiền hụi các đương sự đang tranh chấp. Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy vào năm 2016 chị Tạ Kim N có chơi hụi chị Phan Kim L một chân hụi 5.000.000 đồng/ chân, hụi có 40 người tham gia, đây hụi hiện đã mãn, số tiền hụi hốt được là 195.000.000 đồng là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp.

Tuy nhiên trong quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Phan Kim L cho rằng toàn bộ số tiền hụi sau khi đã trừ đi tiền hoa hồng còn lại số tiền là 192.500.000 đồng thì chị N là người hốt thay chị và giữ toàn bộ số tiền hụi trên đến nay không giao trả lại cho chị. Trong khi đó chị N thừa nhận chị có hốt thay cho chị L số tiền hụi sau khi trừ đi tiền hoa hồng còn lại là 192.500.000 đồng là đúng sự thật nhưng chị N đã cản trừ đi số tiền mà chị L và mẹ chồng chị L là bà Huỳnh Thị B nợ chị trước đó, số còn lại 20.640.000 đồng thì chị N đã giao đủ cho chị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: việc chị Tạ Kim N hốt thay cho chị L số tiền hụi sau khi trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng thì số tiền hụi còn lại của chị L là 192.500.000 đồng là đúng sự thật. Việc chị N tự ý cản trừ các khoản tiền còn nợ như: tiền dầu là 56.000.000 đồng, tiền cào là 65.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng và trừ tiền mẹ chồng của chị L (bà Huỳnh Thị B) nợ là 29.800.000 đồng. Tổng số tiền chị L nợ chị N là 170.800.000 đồng là không phù hợp. Bởi lẽ tại phiên tòa hôm nay chị L chỉ thừa nhận và đồng ý cản trừ số tiền mà trước đây chị N đã cản trừ theo tờ giấy hụi đã cung cấp cho Tòa án, còn số tiền chị N cản trừ tiền mẹ chồng của chị là bà Huỳnh Thị B nợ là 29.800.000 đồng thì chị không biết. Trong khi đó việc cản trừ nợ này chị N không có chứng cứ, giấy tờ hoặc sổ sách gì để chứng minh và tại biên bản ghi lời KH tại tòa án bà Huỳnh Thị B cũng không thừa nhận việc có nợ chị N số tiền là 29.800.000 đồng. Mặt khác phía chị N cũng thừa nhận tờ ghi nợ hụi mà các đương sự cung cấp cho Tòa án là chữ viết của chị (BL số 03). Do đó những lời trình bày của chị N là không có căn cứ để được chấp nhận.

Tại phiên tòa phía chị N cho rằng giữa chị và chị L có viết H tờ giấy tổng kết nợ, tuy nhiên H tờ giấy này đều đã giao cho chị L giữ, chị L không thừa nhận ý kiến của chị N, chị N không cung cấp được tờ giấy còn lại mình đã trình bày. Do đó lời KH của chị N là không có căn cứ để được HĐXX chấp nhận.

Đối với số tiền hui là 20.640.000 đồng chị N cho rằng đã giao đủ cho chị L trong khi đó chị L không thừa nhận và chị N cũng không có biên nhận hoặc chứng cứ nào chứng minh việc này nên không được HĐXX chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện viện kiểm sát là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Từ những cơ sở trên HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Phan Kim L là có căn cứ để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí DSST: Chị Tạ Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.000.000 đồng (120.000.000đ x 5%).

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng theo lai thu số 0000612 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án huyện Hòn Đất cho chị Phan Kim L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Kim L.

Buộc chị Tạ Kim N phải có nghĩa vụ trả cho chị Phan Kim L số tiền hui chưa giao là 120.000.000 đồng (Một trăm H mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Kim L về việc yêu cầu chị Tạ Kim N phải trả cho chị Phan Kim L số tiền vay là 100.000.000 đồng.

3/. Về án phí: Buộc chị Tạ Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng theo lai thu số 0000612 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án huyện Hòn Đất cho chị Phan Kim L.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An